

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 229/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Ngô Thị Thom

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Minh H**, sinh năm 1999.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà I đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: Bà **Phạm Thị Bích H1**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà I đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Bình A**, sinh năm 1997,

Địa chỉ: Số D T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh A và bà **H1** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trịnh Minh H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Trần Bình A tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/5/2018 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm hay chia sẻ với nhau từ cuộc sống đến công việc. Thời điểm này chị đi lao động tại Đài Loan, còn anh A vẫn ở Việt Nam, do khoảng cách và lối sống khác nhau nên vợ chồng rất ít liên lạc, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Chị và anh A sống ly thân đã lâu, nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Trần Huyền A1, sinh ngày 11/7/2019, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định cùng với bố đẻ là anh A nên chị tiếp tục giao con cho anh A chăm sóc con chung đến khi trưởng thành. Chị đồng ý với yêu cầu của anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trần Bình A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Minh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 11/5/2018 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị tổ chức cuộc sống chung tại gia đình anh ở số D T, phường N. Quá trình chung sống vợ chồng không cùng quan điểm, năm 2020 chị H đi lao động tại Đài Loan nên tình cảm vợ chồng xa cách. Chị H sang Đài Loan từ cuối năm 2020, khoảng đầu tháng 4 chị H có về nước và có trao đổi với anh về việc ly hôn. Sau khi làm xong thủ tục ly hôn thì chị H đã tiếp tục sang Đài Loan, còn anh vẫn ở Việt Nam. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H vì anh xác định vợ chồng xa cách nhau đã lâu không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trần Huyền A1, sinh ngày 11/7/2019, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định cùng với bố đẻ là anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Huyền A1 đến khi con chung trưởng thành. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh là 2.000.000 đồng/tháng và phải có trách nhiệm quan tâm đến con chung.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trịnh Minh H ly hôn anh Trần Bình A; Giao cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Huyền A1, sinh ngày 11/7/2019 thời gian từ tháng 7/2024 đến khi trưởng thành. **Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh A là 2.000.000 đồng/tháng;** Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị H phải án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trịnh Minh H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Trần Bình A. Chị H hiện nay đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Anh A có địa chỉ tại thành phố H, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh A có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh A.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Minh H và anh Trần Bình A tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/5/2018 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm hay chia sẻ với nhau từ cuộc sống đến công việc. Thời điểm này chị đi lao động tại Đài Loan, còn anh A vẫn ở Việt Nam, do khoảng cách và lối sống khác nhau nên vợ chồng

rất ít liên lạc, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh A cũng xác định vợ chồng xa cách nhau đã lâu không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị H có đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh A có 01 con chung là cháu Trần Huyền A1, sinh ngày 11/7/2019, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định cùng với anh A. Chị H đề nghị giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, anh A nhất trí, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho anh A nuôi dưỡng. Chấp nhận thỏa thuận của anh chị về việc, chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng.

Chị Trịnh Minh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh V có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con và được Tòa án chấp nhận nên chị H chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Minh H được ly hôn anh Trần Bình A.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Bình A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Huyền A1, sinh ngày 11/7/2019 thời gian từ tháng 7/2024 cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị H **cấp dưỡng**

tiền nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị Trịnh Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Trịnh Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000613 ngày 10/4/2024. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường